CTCP Lilama 18 (HSX: LM8)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	14,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.5%	**6.5%**	**2.1%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,140 - 14,842
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	131
Số lượng CPLH (CP)	9,388,682
KLGD BQ 20 phiên (CP)	650
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.29
EPS	1,797
P/E	7.8

Tỷ suất lợi nhuận

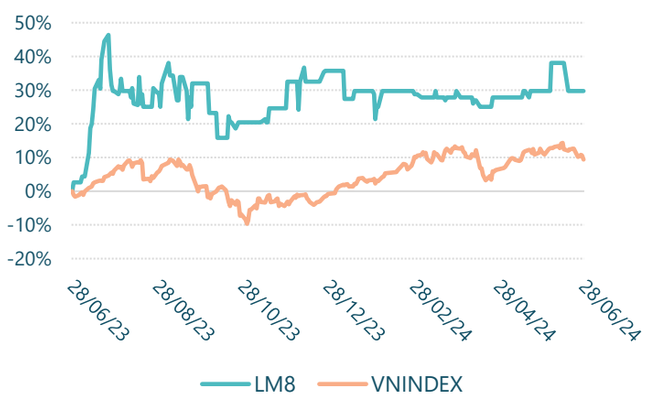

Doanh thu thuần

Q2/24

370

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 79.0 | 27.0%

YoY: ▲ 162 | 77.7%

Nợ/VCSH

Q2/24

301%

YoY: +/-▲ 12.2%

LN gộp

Q2/24

22.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.50 | 2.2%

YoY: ▼0.90 | -3.9%

ROE (TTM)

Q2/24

5.6%

YoY: +/-▲ 1.4%

LN trước thuế

Q2/24

5.74

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.62 | 39.4%

YoY: ▲ 3.89 | 211%

ROA (TTM)

Q2/24

1.3%

YoY: +/-▲ 0.3%

Kết quả kinh doanh Q2/24

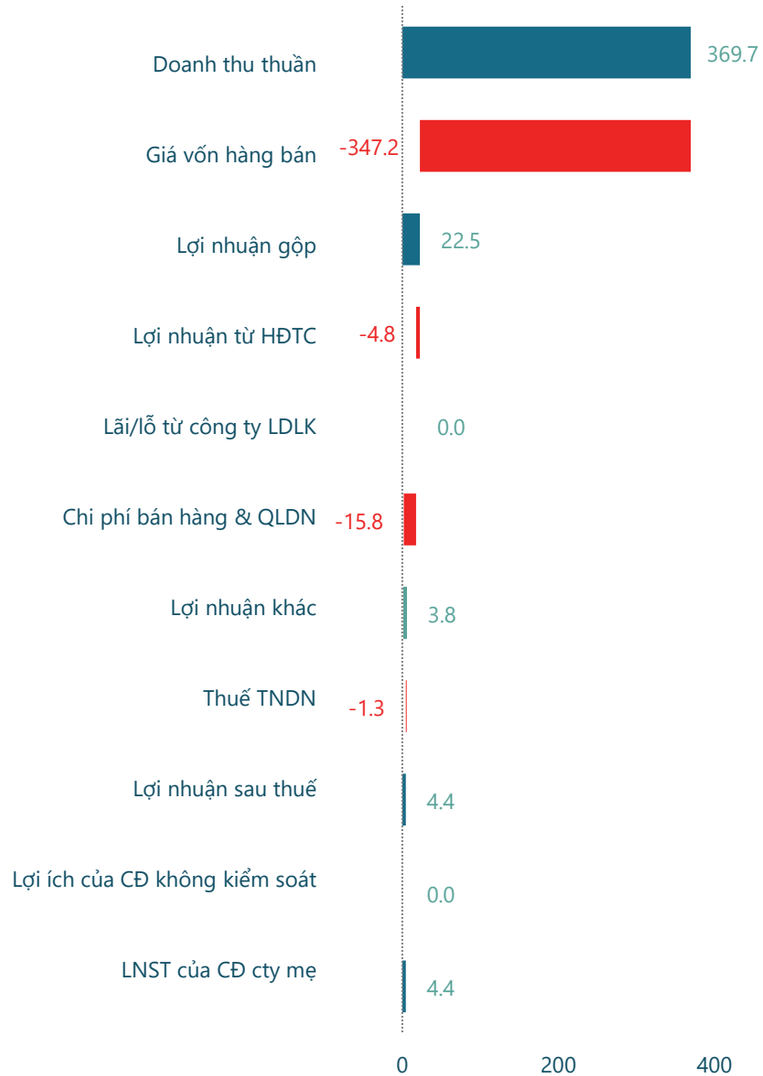

Kết quả kinh doanh

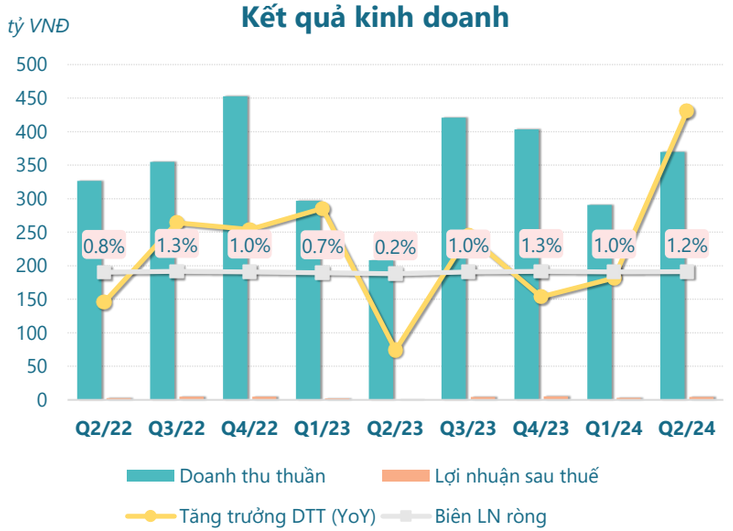

Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 1.91 tỷ đồng**, giảm đi 55.7% so với kỳ trước và cao hơn 83.7% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 4.79 tỷ đồng** tăng thêm 1.55 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 6.31 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 3.84 tỷ đồng**, tăng thêm 4.03 tỷ đồng so với kỳ trước và cao hơn 374% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu chi phí

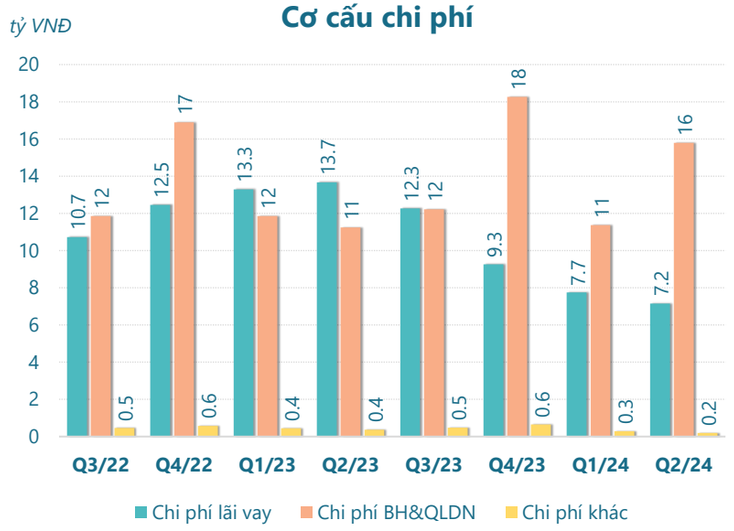

Kết quả kinh doanh của **LM8** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **369.7 tỷ đồng** tăng thêm **77.7%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 4.43 tỷ đồng**, **tăng trưởng 1131%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **661.0 tỷ đồng** cao hơn 30.9% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 7.00 tỷ đồng** cao hơn 250% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận

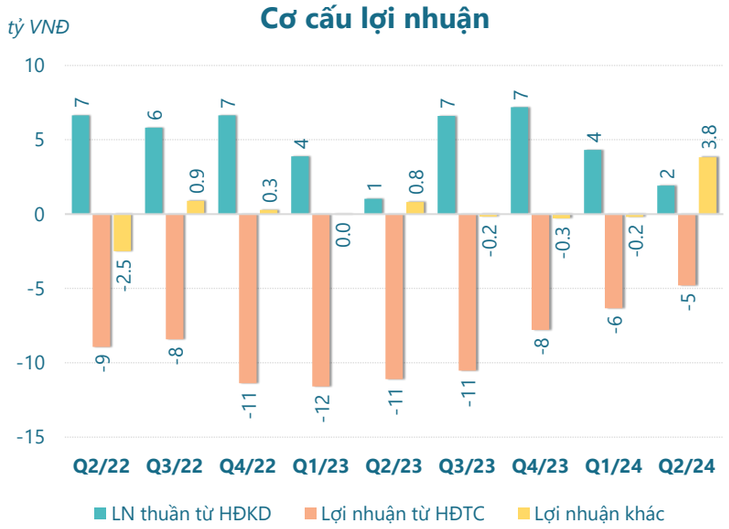

Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **7.16 tỷ đồng** giảm đi 7.49% so với kỳ trước và thấp hơn 47.6% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **15.79 tỷ đồng** tăng thêm 38.9% so với kỳ trước và cao hơn 40.5% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.19 tỷ đồng** giảm đi 32.1% so với kỳ trước và thấp hơn 48.6% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Lilama 18 (HSX: LM8)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**370**	**291**	**27.0%**	**208**	**77.7%**	**661**	**505**	**30.9%**
Giá vốn hàng bán	347	269	29.1%	185	87.7%	616	454	35.7%
Lợi nhuận gộp	22.5	22.0	2.2%	23.4	-3.9%	44.5	50.7	-12.2%
Doanh thu HĐTC	2.65	1.43	85.1%	2.56	3.4%	4.07	4.28	-4.7%
Chi phí TC	7.44	7.77	-4.3%	13.7	-45.7%	15.2	27.0	-43.6%
Chi phí lãi vay	7.16	7.74	-7.5%	13.7	-47.8%	14.9	27.0	-44.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**15.8**	**11.4**	**38.5%**	**11.2**	**41.0%**	**27.2**	**23.1**	**17.6%**
LN thuần từ HĐKD	1.91	4.31	-55.7%	1.04	83.4%	6.22	4.93	26.3%
Lợi nhuận khác	**3.84**	**-0.19**	**2119%**	**0.81**	**374%**	**3.65**	**0.78**	**367%**
LN trước thuế	5.74	4.12	39.4%	1.85	211%	9.87	5.71	72.9%
Lợi nhuận sau thuế	**4.43**	**2.97**	**49.3%**	**0.36**	**1132%**	**7.40**	**2.36**	**214%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.43**	**2.97**	**49.3%**	**0.36**	**1132%**	**7.40**	**2.36**	**214%**

